TRÍ NGHĨA CONSTRUCTION

TN-CT01

Màng Chống Thấm Lỏng Gốc Xi Măng-Polymer Đàn Hồi, 2 Thành Phần



Mô tả:

TN-CT01 là sản phẩm màng chống thấm xi măng dẻo hai thành phần bao gồm nhựa tổng hợp pha trộn với hỗn hợp xi măng được chọn lọc và các chất phụ gia cao cấp khác.

Khi được trộn, **TN-CT01** trở thành hỗn hợp vữa mịn và dễ dàng thi công bằng cọ, ru lô hoặc các thiết bị phun phù hợp.

TN-CT01 có thể thi công trên bề mặt nền ẩm. Màng sau khi đóng rắn dẻo, bền và có độ bám dính tốt trên hầu hết bề mặt nền xây dựng. Cấu trúc hóa học đồng nhất của nó tạo thành lớp màng thoáng khí cho phép bốc hơi nước và không thấm nước. **TN-CT01** có khả năng phủ qua các vết nứt.

Ứng Dụng:

- Chống thấm cho tường tầng hầm và hố thang máy.
- Chống thấm các bể chứa nước, hồ chứa, cống thải, rãnh thoát nước mưa, rãnh dẫn nước, những kết cấu chứa nước và giữ nước.
- Chống thấm khu vực nhà bếp và nhà vệ sinh.
- Chống thấm ban công, bồn hoa, mái nhà...
- Bảo vệ kết cấu bê tông trong môi trường biển. Chống thấm hồ bơi và hồ chuyên dụng.
- Chống thấm tường đầu hồi đúc sẵn.
- Chống thấm tường ngoài trước khi sơn hoàn thiện khác.

Ưu Điểm:

- Thời gian đóng rắn nhanh.
- Vật liệu đóng gói sẵn, dễ hòa trộn và thi công. Chất lượng chống thấm tuyệt vời.
- Bám dính tốt với các vật liệu khác như: bê tông, tường gạch, gạch men, thạch cao, thép, kim loại mạ kẽm, đồng, PVC...
- Màng dẻo, khả năng lấp vết nứt chân tóc. Chống môi trường sương giá và xâm thực muối.
- Không chứa clorua hoặc muối ăn mòn khác gây sự bay hơi.
- Không chứa chất độc hại.
- Có thể thi công trên nền ẩm.

Chuẩn bị bề mặt thi công:

Bề mặt thi công phải sạch, không dính vữa, bột xi măng, bụi, dầu, mỡ, nấm mốc, chất bảo dưỡng hoặc các

chất khác ảnh hưởng đến độ bám dính sản phẩm.
Bề mặt bê tông phải được trám phẳng. Bề mặt bê tông bị rỗ, bong tróc hoặc bị phá hủy phải được sửa chữa bằng hệ thống sửa chữa của **TN-CT01** .
Cần sử dụng vữa trám trét các khu vực góc cạnh của cấu kiện cần chống thấm. Khu vực chân tường cũng phải được trám trét.
Quá trình thi công, màng chống thấm có thể thi công trên các bề mặt ẩm, nhưng không được để bề mặt thi công bị đọng nước.

Hướng dẫn cách hòa trộn:

Cho thành phần A (dạng lỏng) vào thùng chứa sạch, từ từ cho thành phần B (dạng bột) vào thành phần A, thêm 10%-20% nước sạch vào thùng chứa và sử dụng máy trộn với tốc độ thấp, trộn đều các thành phần đến khi không còn vón cục tạo thành một hỗn hợp đồng nhất. Cho phép quá trình trộn ngừng trong 5 phút và trộn đều lại trước khi sử dụng. Sử dụng vật liệu trong thời gian 45 phút sau khi trộn.

Thi công:

Đối với các bề mặt nằm ngang, thẳng đứng, sử dụng cọ hoặc rulô thi công. Cần sử dụng cẩn thận để đảm bảo không có bọt khí trong màng.
Quét một lớp **TN-CT01** thứ nhất, sau đó để khô, đồng thời đảm bảo tất cả các mối nối, chân tường đều được phủ kín, nên dùng cọ để quét cho mối nối và chân tường. Sau khi màng để khô khoảng 2 giờ thì tiếp tục quét lớp thứ hai.
Sau khi đã đóng rắn, cán lớp vữa bảo vệ màng **TN-CT01** càng sớm càng tốt. Cần bảo vệ màng không bị hư hỏng trong quá trình đóng rắn và trong quá trình cán vữa bảo vệ.

Đóng gói và định mức:

TN-CT01 đóng gói 20 kg / Bộ gồm 2 thành phần: (Thành phần A- 6 kg) và (Thành phần B-14 kg).
Định mức thông dụng: 1.5kg / m2/ 2 lớp, dày 0.8 -1.0 mm.
Đối với bể nước, hồ bơi, khu nhà bếp F&B… thi công 3-4 lớp (0.75kg/ 1lớp) có gia cường lưới thuỷ tinh

Dụng cụ thi công:



Chổi cọ



Lu Lô



Máy trộn



Máy phun

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐÁNH GIÁ
1	Cường độ bám dính ở điều kiện thường	MPa	0,91	min 0,50	Đạt
2	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	MPa	0,91	min 0,50	Đạt
3	Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt	MPa	1,54	min 0,50	Đạt
4	Cường độ bám dính sau khi tiếp xúc với nước clo	MPa	0,82	min 0,50	Đạt
5	Cường độ bám dính sau khi tiếp xúc với nước vôi	MPa	0,83	min 0,50	Đạt
6	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5 bar tròn 7 ngày		Không thấm	Không thấm	Đạt
7	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường	mm	0,83	min 0,75	Đạt

Bảo quản:

Thời gian bảo quản **TN-CT01** là 24 tháng khi chưa mở nắp trong điều kiện thoáng mát và khô ráo.

Sức khỏe và an toàn:

Nên đeo găng tay và kính bảo hộ, khi bị bắn vào da hoặc mắt phải rửa bằng nước sạch, trong trường hợp kích thích kéo dài, phải tìm tư vấn y tế. Bột sản phẩm cần được xử lý để giảm thiểu sự hình thành bụi. Cần dùng đồ bảo hộ, mặt nạ nếu quá nhiều bụi.

Lưu ý quan trọng:

Các thông tin đưa ra trong tài liệu này là miễn phí, đáng tin cậy và được dựa trên dữ liệu kỹ thuật của **TN-CT01** Thông tin này chỉ dành cho người có kỹ năng, kỹ thuật và họ tự làm và tự chịu rủi ro. Thông tin sản phẩm trong tài liệu kỹ thuật này phù hợp với các khuyến nghị chi tiết tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho việc áp dụng sản phẩm theo ngày công bố tài liệu. **TN-CT01** không chịu trách nhiệm với với bất kỳ sai sót nào do tay nghề, kỹ thuật, kiến trúc của bất kỳ dự án nào. Để đảm bảo rằng bạn đang sử dụng các thông tin mới nhất và đầy đủ nhất hãy liên hệ với **TN-CT01.**

TN-CT01

Màng Chống Thấm Lỏng Gốc Xi Măng-Polymer Đàn Hồi, 2 Thành Phần

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Số 00037/N6.24/DG/1 — Ngày 17/04/2024 — Trang 01/01

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH KỸ THUẬT

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI-XÂY DỰNG TRÍ NGHĨA
   Địa chỉ : Số 180 đường III Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Tên mẫu theo khai báo : Màng chống thấm lỏng gốc Xi măng – Polymer đàn hồi, Hai thành phần TN-CT01 (01 bộ/20 kg).
3. Số lượng mẫu : 01 mẫu, gồm 2 thành phần (TP), TP A: 06 kg (dạng lỏng), TP B: 14 kg (dạng bột). Tỉ lệ trộn A:B = 3:7 (theo khối lượng).
4. Nội dung giám định : Đánh giá các chỉ tiêu: Cường độ bám dính ở điều kiện thường, sau khi ngâm nước, sau lão hóa nhiệt, sau khi tiếp xúc nước clo, và sau khi tiếp xúc nước vôi; độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5 bar trong 7 ngày và khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường.
5. Phương pháp giám định : QTGD 11:2020 – Quy trình giám định sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
6. Phương pháp thử : BS EN 14891 : 2017.
7. Ngày nhận yêu cầu : 21/02/2024
8. Thời gian giám định : 21/02/2024 – 17/04/2024
9. Điều kiện giám định : Mẫu do khách hàng tự thực hiện lấy mẫu và mang đến Trung tâm Kỹ thuật 3 (QUATEST 3) để giám định.
10. Căn cứ đánh giá :
    - BS EN 14891 : 2017; Liquid applied water impermeable products for use beneath ceramic tiling bonded with adhesives - Requirements, test methods, assessment and verification of constancy of performance, classification and marking;
    - Kết quả thử nghiệm và hình ảnh mẫu giám định được nêu chi tiết tại Phụ lục đính kèm.
11. Kết quả giám định :

    Mẫu vật liệu chống thấm TN-CT01 đã giám định nêu trên có cường độ bám dính ở điều kiện thường, sau khi ngâm nước, sau lão hóa nhiệt, sau khi tiếp xúc nước clo và sau khi tiếp xúc nước vôi; độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5 bar trong 7 ngày và khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật đối với vật liệu chống thấm gốc xi măng - polyme quy định tại Bảng 1 của Tiêu chuẩn BS EN 14891: 2017.

Ghi chú :
- *Tên mẫu ghi theo khai báo khách hàng.*
- *Thông báo này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN — **GIÁM ĐỐC**

Đào Thị Thanh Hoài — **Nguyễn Thái Hùng**

No. 00037/N6.24/DG/1 — Date 17/04/2024 — Page 01/01

INSPECTION REPORT

1. Client : INDOCHINA TRADECO CO., LTD
   Address : Plot No.7, Development Area, Reasidential Area 2 Dinh, Dai Mo Ward, Nam Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam.
2. Name of sample : Màng chống thấm lỏng gốc Xi măng – Polymer đàn hồi, Hai thành phần TN-CT01 (01 bộ/20 kg).
3. Quantity : 01 sample, 02 components, Part A: 6 kg (liquid) & Part B: 14 kg (powder). Mix ratio: A: B = 3: 7 (by weight).
4. Subject of inspection :
   Evaluation of characteristics: Initial tensile adhesion strength, tensile adhesion strength after water contact, tensile adhesion strength after heat ageing, tensile adhesion strength after contact with chlorinated water, tensile adhesion strength after contact with lime water, waterproofing and crack bridging ability under standard conditions according to BS EN 14891: 2017.
5. Inspection method : QTGD 11:2020 – Inspection procedure for products, goods of building material.
6. Test method : BS EN 14891 : 2017
7. Date of sample receiving : 21/02/2024
8. Date of inspection : 21/02/2024 – 17/04/2024
9. Inspection condition : The inspected samples were sampled and sent to QUATEST 3 for inspection by the client.
10. Conformity requirements :
    - BS EN 14891 : 2017; Liquid applied water impermeable products for use beneath ceramic tiling bonded with adhesives - Requirements, test methods, assessment and verification of constancy of performance, classification and marking;
    - Details of test results & photos of inspected sample are given in the Appendix of this Inspection Report.
11. Inspection Results :

    The Initial tensile adhesion strength, tensile adhesion strength after water contact, tensile adhesion strength after heat ageing, tensile adhesion strength after contact with chlorinated water, tensile adhesion strength after contact with lime water, waterproofing and crack bridging ability under standard conditions of the inspected sample TN-CT01 conform to the technical requirements for Liquid applied water impermeable products for use beneath ceramic tiling bonded with adhesives specified in Table 1 of BS EN 14891: 2017.

Note:
- *Name of sample declared by the client.*
- *This inspection report is valid for submitted sample only.*

INSPECTOR — **DIRECTOR**

Dao Thi Thanh Hoai — **Nguyen Thai Hung**

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Số/ *No.* 00037/N6.24/DG/1 — Ngày/ *Date* 17/04/2024 — Trang/ *Page* 01/01

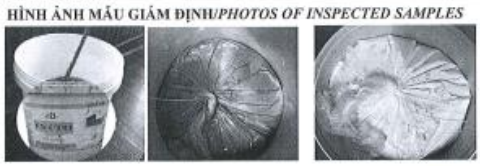
PHỤ LỤC
APPENDIX

(Kèm theo Thông báo kết quả giám định kỹ thuật số 00037/N6.24/DG/1, ngày 17/04/2024)
(Attached to Inspection Report Ref. No. 00037/N6.24/DG/1, dated 17/04/2024)

1. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*

STT *No*	Chỉ tiêu thử nghiệm *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test results*	Yêu cầu kỹ thuật *Specifications* BS EN 14891: 2017	Đánh giá *Evaluation*
1	Cường độ bám dính ở điều kiện thường *Initial tensile adhesion strength*	MPa	0,91	min 0,50	Đạt *Passed*
2	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước *Tensile adhesion strength after water contact*	MPa	0,90	min 0,50	Đạt *Passed*
3	Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt *Tensile adhesion strength after heat ageing*	MPa	1,54	min 0,50	Đạt *Passed*
4	Cường độ bám dính sau khi tiếp xúc với nước clo *Tensile adhesion strength after contact with chlorinated water*	MPa	0,82	min 0,50	Đạt *Passed*
5	Cường độ bám dính sau khi tiếp xúc với nước vôi *Tensile adhesion strength after contact with lime water*	MPa	0,83	min 0,50	Đạt *Passed*
6	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5 bar trong 7 ngày *Waterproofing*	-	Không thấm *No penetration*	Không thấm *No penetration*	Đạt *Passed*
7	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường *Crack bridging ability under standard conditions*	mm	0,83	min 0,75	Đạt *Passed*

2. HÌNH ẢNH MẪU GIÁM ĐỊNH/*PHOTOS OF INSPECTED SAMPLES*



----------Hết/*End*----------

TN-CT01
CEMENTITIOUS-POLYMER FLEXIBLE WATERPROOFING MEMBRANE, 2 COMPONENTS

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3® TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Số 00037/N6.24/DG/2 — Ngày 23/04/2024
Trang 01/02

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH KỸ THUẬT

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI-XÂY DỰNG TRÍ NGHĨA
   Địa chỉ : Số 180 đường III Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Tên mẫu theo khai báo : Màng chống thấm lỏng gốc Xi măng – Polymer đàn hồi, Hai thành phần TN-CT01 (01 bộ/20 kg).
3. Số lượng mẫu : 01 mẫu, gồm 2 thành phần (TP),
   TP A: 06 kg (dạng lỏng), TP B: 14 kg (dạng bột).
   Tỉ lệ trộn A:B = 3:7 (theo khối lượng).
4. Nội dung giám định : Đánh giá sản phẩm phù hợp để sử dụng khi tiếp xúc với nước uống theo quy định tại Phụ lục D và Phụ lục H của Tiêu chuẩn AS/NZS 4020:2018.
5. Phương pháp giám định : QTGĐ 11: 2020 – Quy trình giám định sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
6. Phương pháp thử : AS/NZS 4020:2018; ISO 7027-1:2016; ISO 7887:2011.
7. Ngày nhận yêu cầu : 21/02/2024
8. Thời gian giám định : 21/02/2024 – 23/04/2024
9. Điều kiện giám định :
   - Khách hàng tự thực hiện lấy mẫu và đem đến Trung tâm Kỹ thuật 3 (QUATEST3) để giám định.
   - Tỉ lệ phối trộn: TPA : TPB = 3 : 7 (Theo khối lượng)
   - Mẫu giám định là mẫu chống thấm được đúc thành tấm, kích thước (100x50x5) mm và bảo dưỡng 28 ngày tại QUATEST3.
   - Làm sạch mẫu thử nghiệm trong 07 ngày như sau: loại bỏ các bụi bẩn cơ học, ngâm mẫu trong nước uống và loại bỏ nước ngâm 24 giờ/ lần.
   - Dịch ngâm chiết dùng để giám định là dịch ngâm các mẫu vữa chống thấm đã đúc 24 giờ trong nước cất tại nhiệt độ 23±2 °C, tỉ lệ tiếp xúc 1 dm^2/ L.
10. Căn cứ đánh giá :
    - AS/NZS 4020:2018, Testing of products for use in contact with drinking water;
    - Kết quả thử nghiệm và hình ảnh mẫu giám định được nêu chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3® TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Trang 02/02

11. Kết quả giám định :
    Mẫu vật liệu chống thấm TN-CT01 đã giám định nêu trên có ngoại quan và hàm lượng kim loại của dung dịch nước ngâm chiết phù hợp yêu cầu kỹ thuật cho Sản phẩm sử dụng khi tiếp xúc với nước uống, quy định tại Phụ lục D và Phụ lục H của Tiêu chuẩn AS/NZS 4020:2018.

Ghi chú :
- *Không thực hiện giám định theo Phụ lục C,E,F, G, J - AS/NZS 4020:2018 do QUATEST3 chưa có thiết bị phù hợp;*
- *Tên mẫu ghi theo khai báo khách hàng;*
- *Thông báo này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN	GIÁM ĐỐC
Đào Thị Thanh Hoài	Nguyễn Thái Hùng

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3® TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

No. 00037/N6.24/DG/2 — Date 23/04/2024
Page 01/02

INSPECTION REPORT

1. Client : INDOCHINA TRADECO CO., LTD
   Address : Plot No.7, Development Area, Reasidential Area 2 Dinh, Dai Mo Ward, Nam Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam.
2. Name of sample : waterproofing material - Màng chống thấm lỏng gốc Xi măng – Polymer đàn hồi, Hai thành phần TN-CT01 (01 bộ/20 kg).
3. Quantity : 01 sample, 02 components,
   Part A: 6 kg (liquid) & Part B: 14 kg (powder).
   Mix ratio: A: B = 3: 7 (by weight).
4. Subject of inspection : Evaluation of products for use in contact with dinking water according to AS/NZS 4020:2018.
5. Inspection method : QTGD 11:2020 – Inspection procedure for products, goods of building material.
6. Test method : AS/NZS 4020:2018; ISO 7027-1:2016; ISO 7887:2011.
7. Date of sample receiving : 21/02/2024
8. Date of inspection : 21/02/2024 – 23/04/2024
9. Condition of inspection :
   - The inspected samples were sampled and sent to QUATEST 3 for inspection by the client.
   - Compositions by weight: Part A : Part B = 3: 7 (by weight).
   - The inspection samples are waterproofing material sheets, dimension of (100x50x5) mm were prepared & moist-curing treated for 28 days at QUATEST 3's Laboratory.
   - Clean the test sample in 07 days as follows: remove the mechanical dirt, soak in drinking water and pour out every 24 hours.
   - The extract water from the the mortar sheets used for inspection is prepared by immersing the waterproof mortar samples for 24 hours in distilled water at a temperature of 23±2 °C, contact ratio 1 dm^2/L.
10. Conformity requirements :
    - AS/NZS 4020:2018, Testing of products for use in contact with drinking water;
    - Details of test results & photos of inspected sample are given in the Appendix of this Inspection Report.

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3® TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Page 02/02

11. Inspection Results :
    The appearance & metals content of the water extract from the inspected waterproofing material samples - TN-CT01 conform to the technical requirements of Products for use in contact with drinking water given in Appendix D & Appendix H of AS/NZS 4020:2018.

Note:
- *The Appendix C, E, F, G, J of AS/NZS 4020:2018 cannot be done because QUATEST 3 does not have suitable equipment.*
- *Name of sample declared by the client;*
- *This inspection report is valid for submitted sample only.*

INSPECTOR	DIRECTOR
Dao Thi Thanh Hoai	Nguyen Thai Hung

TN-CT01
CEMENTITIOUS-POLYMER FLEXIBLE WATERPROOFING MEMBRANE, 2 COMPONENTS

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Số/ *No.* 00037/N6.24/DG/2 — **PHỤ LỤC** *APPENDIX* — Ngày/ *Date* 23/04/2024 — Trang/ *Page* 01/03

(Kèm theo thông báo kết quả giám định kỹ thuật số 00037/N6.24/DG/2, ngày 23/04/2024)
(Attached to Inspection Report Ref. No. 00037/N6.24/DG/2, dated 23/04/2024)

1. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / *TEST RESULTS*

1.1 Ngoại quan của nước ngâm chiết ở (20±2) °C trong 24 giờ- AS/NZS 4020:2018- Phụ lục D
Appearance of water extract at (20±2) °C, soaked for 24h- AS/NZS 4020:2018- Appendix D

STT *No*	Chỉ tiêu thử nghiệm *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Yêu cầu kỹ thuật *Technical requirements* AS/NZS 4020:2018 Phụ lục/ *Appendix D*	Đánh giá *Evaluation*
1	Màu sắc *Colour*	Hazen Units	< 5	max 5	Đạt *Passed*
2	Độ đục *Turbidity*	NTU	≤ 0,5	max 0,5	Đạt *Passed*

1.2 Hàm lượng kim loại của nước chiết ở (20±2) °C trong 24 giờ- AS/NZS 4020:2018-Phụ lục H
Metals content of water extract at (20±2) °C, soaked for 24h- AS/NZS 4020:2018- Appendix H

STT *No*	Chỉ tiêu thử nghiệm *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Giới hạn phát hiện *LOD*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Yêu cầu kỹ thuật *Technical requirements* AS/NZS 4020:2018 Phụ lục/ *Appendix H*	Đánh giá *Evaluation*
1	Antimon, Sb *Antimony*	mg/L	0,001	KPH	max 0,003	Đạt *Passed*
2	Arsen, As *Arsenic*	mg/L	0,001	KPH	max 0,007	Đạt *Passed*
3	Bari, Ba *Barium*	mg/L	0,1	KPH	max 0,7	Đạt *Passed*
4	Cadmi, Cd *Cadmium*	mg/L	0,001	KPH	max 0,002	Đạt *Passed*
5	Crom, Cr *Chromium*	mg/L	0,01	KPH	max 0,05	Đạt *Passed*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

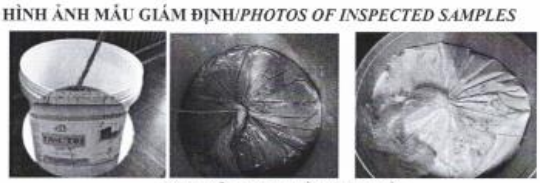
Số/ *No.* 00037/N6.24/DG/2 — **PHỤ LỤC** *APPENDIX* — Ngày/ *Date* 23/04/2024 — Trang/ *Page* 02/03

STT *No*	Chỉ tiêu thử nghiệm *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Giới hạn phát hiện *LOD*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Yêu cầu kỹ thuật *Technical requirements* AS/NZS 4020:2018 Phụ lục/ *Appendix H*	Đánh giá *Evaluation*
6	Đồng, Cu *Copper*	mg/L	0,01	KPH	max 2	Đạt *Passed*
7	Chì, Pb *Lead*	mg/L	0,01	KPH	max 0,01	Đạt *Passed*
8	Thủy ngân, Hg *Mercury*	mg/L	0,001	KPH	max 0,001	Đạt *Passed*
9	Molipden, Mo *Molybdenum*	mg/L	0,01	KPH	max 0,05	Đạt *Passed*
10	Niken, Ni *Nickel*	mg/L	0,01	KPH	max 0,02	Đạt *Passed*
11	Selenium, Se *Selenium*	mg/L	0,001	KPH	max 0,01	Đạt *Passed*
12	Bạc, Ag *Silver*	mg/L	0,01	KPH	max 0,1	Đạt *Passed*
13	Nhôm, Al *Alumina*	mg/L	0,02	KPH	max 0,2	Đạt *Passed*
14	Bo, B *Boron*	mg/L	0,02	KPH	max 1,4	Đạt *Passed*
15	Sắt, Fe *Iron*	mg/L	0,02	KPH	max 0,3	Đạt *Passed*
16	Mangan, Mn *Manganese*	mg/L	0,02	KPH	max 0,1	Đạt *Passed*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3

Số/ *No.* 00037/N6.24/DG/2 — **PHỤ LỤC** *APPENDIX* — Ngày/ *Date* 23/04/2024 — Trang/ *Page* 03/03

2. HÌNH ẢNH MẪU GIÁM ĐỊNH/*PHOTOS OF INSPECTED SAMPLES*



Hình 1: Mẫu giám định gồm 2 thành phần
Fig. 1: The inspected samples consist of two components



Hình 2,3: Các mẫu giám định được chuẩn bị và dưỡng ẩm tại QUATEST 3
Fig. 2, 3: The inspected samples werw prepaired & moist-curing treatment at QUATEST 3



Hình 4: Chuẩn bị dịch ngâm chiết tại QUATEST 3
Fig. 4: Preparing of extracted water at QUATEST 3

----------Hết/*End*----------